

KHỞI TÍN LUẬN SỚ BÚT SẢO KÝ

QUYỂN 20

Trong quán:

Nói tâm lặng chìm, do chân như vô tướng, hưởng tức tâm dứt phân biệt chẳng khởi, nên nói lặng chìm. Như đây người Nhị thừa chấp không là chứng. Do trầm tịch nên thành hai lỗi, như ở sau nêu giải thích.

Nói hoặc khởi v.v... trở xuống, là hiển bày lỗi.

Sớ nói:

- Thứ nhất là quán pháp tướng, trong đó có khổ, vô thường, vô ngã, bất tịnh khác nhau. Do thấy bất tịnh nên chẳng ái, khổ nên không thể chịu đựng, vô ngã nên không tự tại, vô thường nên không thể giữ. Do đó chán sâu thế gian nên cầu ra khỏi, ưa tu các điều lành để dự bị cho tương lai. Sớm hưng khởi, đêm ngủ không dám biếng nhác.

- Thứ hai là quán tinh tấn, tâm sao siêu đã phát, niệm niệm tinh tấn, thì có công phu nên sẽ thành tựu.

- Thứ ba là quán đại bi: Nghĩa là thấy các chúng sinh chìm trong biển khổ, không có phước tuệ, không biết gốc khổ, đam mê sinh tử, chẳng cầu ra khỏi, nên ý khởi đại bi thương xót. Kinh Pháp Hoa chép: “Thấy chúng sinh trong sáu đường nghèo cùng không phước tuệ, vào con đường hiểm trở, sinh tử cùng khổ, nối tiếp chẳng dứt, chẳng cầu thế lực lớn của Phật và pháp dứt khổ, nên vì chúng sinh mà khởi tâm đại bi.

- Thứ tư là quán đại nguyện: Tâm bi đã phát, dùng nguyện theo thời kỳ cần yếu, chẳng phân biệt oán thân, hơn, kém, đều giúp cho thoát khổ, mau được Niết-bàn. Cõi chúng sinh cùng tận, nguyện ta mới cùng tận, nên sẽ thành tựu.

Sớ: Bốn cảnh chẳng thường, nghĩa là chẳng bác bỏ bốn cảnh kia là chỗ chấp thường tình.

Vô thường: Nói tất cả hữu vi, trừ sáu vô vi, ngoài ra đều là hữu vi. Bốn địa vị đều là hữu vi không được dừng lâu” Các pháp đã sinh, sinh rồi liền diệt, như sương như chớp, không tồn tại lâu. Giới Kinh nói:

“Sắc trẻ không dừng, giống như ngựa chạy, mạng người vô thường hơn cả sông núi. Ngày này tuy còn sáng suốt cũng khó giữ gìn”. Kinh Vô Thường chép: “Dù cho núi cao với vợ khi kiếp tận đều tan hoại, biển lớn sâu không đáy, cũng có ngày khô cạn. Đất đai và mặt trời mặt trăng đến lúc đều trở về chỗ chung tận, không hề có một việc gì chẳng bị vô thường.

Quán khổ: Nói tất cả tâm hành v.v..., như trong kinh nói: “một niệm có chín mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm sinh diệt, đã mau sinh mau diệt, thật là khổ. Nên trước nói: “Động thì có quả khổ chẳng lìa nhân”.

Nhưng khổ, khổ nghĩa là ép ngặt. Có năm khổ và tám khổ các thứ khác nhau. Nói lược thì chẳng ngoài ba thứ, đó là khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Trong ba khổ thì hành khổ rất chung, chẳng phải chỉ năm đường đều có, mà đến ba thừa cũng đều đủ. Nay đứng về nghĩa chung, nên nêu một.

Vô ngã: Luận: Hoảng hốt như mộng, nhớ pháp quá khứ hoảng hoảng hốt hốt, dường có mà không, như còn như mất, dù có nói năng cũng không thật có, nên nói như mộng, chẳng những quá khứ, hiện tại cũng vậy. Nên kinh Tịnh Danh chép: “Là thân như mộng do luống dối mà thấy”.

Số: Khó truy, chẳng cho rằng có thể, mà cầu chẳng dễ, nên nói khó truy. Do toàn thể tự không, chỉ có lời nói nên nói không thể.

Nói như điện chớp, nên niệm các pháp, trước thuộc quá khứ, sau thuộc vị lai, ở trong khoảng giữa, nên nói như điện chớp. Kinh Tịnh Danh nói: “Thân như điện chớp, niệm niệm chẳng trụ”.

Số: Sát-na, là bờ mé của thời gian.

Chẳng trụ, kinh nói: “Mới sinh liền có diệt tức chẳng phải người ngu nói” Lại kinh nói: “Khoảng niệm niệm sát-na, sát-na không dừng trụ.

Nói như mây v.v..., mây bay thì trời xanh, đâu từng có pháp gốc sinh cội chân, đâu thấy từ chỗ nào. Do lúc sinh không có chỗ đến, nên lúc diệt cũng không có chỗ đi. Kinh Tịnh Danh nói: “Là thân như mây, trong khoảnh khắc biến diệt”.

Số: Duyên tập v.v..., gồm duyên hay tụ tập, cũng không có chỗ đến, đều đồng như mây. Nhưng đoạn văn này chính là quán không. Khoa này nói: “vô ngã” phải đối phá bốn đảo như thường v.v... Nên ba đời đã không thì chẳng có pháp, pháp còn chẳng thật có, đâu còn ngã ư, cho nên nói vô ngã.

Trong phần này (Bất tịnh):

Nói bất tịnh v.v..., Kinh Tịnh Danh nói: “Là thân bất tịnh như uest đây khắp”, nhưng có năm thứ:

Hạt giống bất tịnh: Do tinh cha huyết mẹ mà thành.

Chỗ ở bất tịnh: Trụ ở giữa sinh tạng và thực tạng.

Tự thể bất tịnh: Ba mươi sáu vật chung hòa hợp. Ba mươi sáu vật là tướng bên ngoài có ba mươi bốn thứ phối hợp, đó là: tóc, lông, móng, răng, đờm, dãi, nước mắt, nước mũi, mồ hôi, tiện lợi.. Thân khí do hai mươi sáu vật mà thành, đó là; da, da ngoài, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ la, mỡ dầy, não, màng. Trong đó bao gồm mười hai thứ như uest: đó là tì, vị, tim, phổi, gan, ruột, mật, dạ dày, xích cầu, bạch cầu, sinh, tạng thực tạng.

Tự tướng bất tịnh: chín lỗ thường chảy ra các thứ như uest.

Rốt ráo bất tịnh, khi chết không thể kham nên hình hài như thế, lại đâu đáng vui.

Sớ: “Dứt bốn đảo” Thường, lạc, ngã, tịnh, là chỗ chấp của phàm phu. Bốn thứ điên đảo, nay lấy bốn thứ quán vô thường..., mỗi thứ đối trị. Như dùng bốn thứ thuốc trị bốn bệnh.

Trong đại bi:

Nói như thế..., do ngộ tự thân vô thường như vậy, nên nhớ nghĩ chúng sinh cũng giống như thế, vô minh mê mờ không tự hay biết, nên khởi đại bi, chín loài nên nói “tất cả”.

Từ Vô tử v.v... trở xuống là tốt cùng nguồn khổ, bởi vô minh tạo ra. Văn trước nói: “Do có vô minh nhân pháp nhiễm nên huân tập chân như, do huân tập nên có vọng tâm, cho đến tạo nghiệp, chịu tất cả khổ ở thân tâm.

Đã thọ v.v... trở xuống là nói ba đời đều khổ.

Khó bỏ v.v..., vô minh chưa hết, trước không thể khổ. Kinh Pháp Hoa chép: “Tất cả chúng sinh bị sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não, thiêu đốt. Cũng do năm dục, tài, lợi mà chịu các thứ khổ. Lại do tham name tìm cầu nên hiện chịu các khổ, sau chịu khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh lên cõi trời, và nhân gian sẽ bị nghèo cùng khổ, khổ thương yêu mà chia lìa, khổ ghét mà gặp mặt, v.v... các thứ khổ như thế, chúng sinh chìm đắm trong đó. Vui vẻ dạo chơi không hay, không biết, không sợ, không hãi, cũng không sinh nhàm chán, chẳng cầu giải thoát”.

Sớ: Không có tâm nhàm chán v.v..., ngược lại biết nhàm chán, xoay lưng với khổ, thì có bờ mé. Nên văn trước nói: “Pháp nhiễm sau

khi Phật được thì có dứt”. Kinh Thập Địa chép: “Có vô số thân đã diệt nay diệt” Như thế sinh diệt không thể ở chỉ khổ cái cơ quan, trôi lăn theo sinh tử không thể ngược lại.

Phát sâu tâm từ, chúng sinh và tánh mình không có hai nguồn, chân lạc sẵn có mà xoay lưng chẳng cầu, vọng khổ vốn không mà ái luyến chẳng bỏ, mê đầu nhận bóng, luống ở đây thật cay đắng. Hành giả quán sát sẽ sinh tâm từ bi cứu giúp.

Trong nguyện lớn:

Số: Do bị lập nguyện, suy nghĩ cái khổ của chúng sinh trong ba đời, khó lìa bỏ. Mạnh mẽ lập nguyện, mong muốn tâm được liên kết, đầy đủ niềm vui đức hạnh, khổ khắp độ kia.

Thế nguyện: nếu có phân biệt thì không thể độ khắp thường độ, liền thành điên đảo, không xứng với pháp tánh. Do pháp tánh lìa phân biệt, nhưng đây cũng là tâm chẳng điên đảo.

Tâm lâu dài, trong ba câu đầu là bên trong tu cội đức. Nếu tự không có đức hạnh thì đâu thể giáo hóa người. Trước vật kia phải bén thì việc kia mới khéo. Nên số Hoa Nghiêm chép: “Sông có châu mà không khô, núi có ngọc mà thêm thắm nhuần, bên trong không cội đức, bên ngoài đâu thể nói”. Lại kinh Tịnh Danh chép: “Nếu tự có trói buộc hay mở trói buộc cho người thì không có việc đó. Nếu tự không trói buộc sẽ hay mở trói cho người”. Một câu sau chính là lâu dài.

Tâm rộng lớn: văn nói: “Tất cả chín loài bốn sinh đều nhiếp hết, nên thành rộng lớn. Câu đầu tức là phương tiện năng độ. Nếu không có phương tiện thì đâu khiến phát tâm, Cho nên phải dùng phương tiện bọt nước hòa với khéo léo, khiến tất cả giáo hóa theo đó.

Tâm bậc nhất, cao thì ra khỏi cảnh người, trời, Nhị thừa. Lại không vượt hơn ở đây, nên gọi là bậc nhất. Nay xét trong văn đầy đủ có bốn nguyện, nghĩa là lìa phân biệt tức thế dứt phiền não, khắp tu các hạnh tức thế học pháp môn. Tâm vị lai tức thế độ chúng sinh. Khiến được Niết-bàn tức thế thành Phật đạo. Đã khiến kia được năng lực trở về nơi mình, tức là tự mình hy vọng chứng.

Trong tinh tấn:

Nói do khởi v.v..., đã phát tâm mong muốn như thế, nên làm việc mà không biếng nhác. Đây là do suy nghĩ không lợi ích không chỉ như ở nơi học, nên tất cả pháp lành siêng năng mà làm. Nếu có thể không chổ nào mà chẳng tu, không giờ nào mà chẳng làm, siêng năng mạnh mẽ không có tâm biếng nhác, không nhàm chán, xả bỏ thì tự nhiên thành tự lợi và lợi tha.

Trong phần kết quán:

Nói nếu các v.v..., nghĩa là ngồi yên chỉ chuyên vào chỉ. Nếu đứng dậy thì các oai nghi phải nên suy nghĩ, quán sát việc lợi hại, nhớ nghĩ muốn lấy, bỏ.

Sớ: Thuận lý, tất cả pháp lành thuận lý chân như. Văn trước nói: “Nếu người tu hành tất cả pháp lành tự nhiên thuận trở về pháp chân như. Do các hạnh lành, bên ngoài trái vọng nhiễm, bên trong thuận với chân như, bên ngoài trái với vọng nhiễm, bên trong thuận chân như, nên nói thuận lý, tức là môn tác trì.

Trái lý: tất cả pháp ác, các luật nghi ác, bên trong trái với pháp tánh, bên ngoài chiêu vờ các quả báo khổ, nên hay không nên làm, tức môn chỉ trì.

Nêu chung:

Nói nếu hành v.v..., đây là trong bốn nghi, sáu duyên đều phải chỉ quán song tu, định tuệ cùng liên kết.

Sớ: Động tĩnh riêng tu, tuy nói riêng tu, nên siêng tập song tu và liên kết. Văn trước nói: “Tuy trước chỉ sau quán, thứ lớp riêng khác. Nhưng đến lúc tu, đâu được lìa nhau”. Do văn không phiên chép, nên thành trước sau. Nay trong văn này nói “đều” cũng là trở lại nói văn trước, sợ người khi tu mỗi người đều tự tập, nên khuyến đều phải chỉ quán song hành. Do nhân song hành, quả mới đều liên kết. Như có chân không có mắt, có mắt không có chân, đều không đến được hồ mát mẻ, chỉ có riêng chiếc xe đi (mà không có người lái) thì đâu khỏi bị lật. Nên kinh nói: “Tâm địa còn quả địa giác không hai không khác, mới gọi là trước sau không lìa nhau”.

Trong tức chỉ:

Nói lự tánh bất sinh, trong luận nói: “Các pháp chẳng tự sinh cũng chẳng từ cái khác sinh, chẳng chung, chẳng phải không có nhân, nên biết là bất sinh”. Nay nêu một thứ trong bốn thứ, nên nói tự tánh. Đây là vô ngã, vô tạo, chẳng có người thọ. Trở xuống là nghiệp thiện ác cũng chẳng mất.

Chẳng có nghĩa: biến kế hoàn toàn không nên nói chẳng có. Y tha chẳng mất nên chẳng nói không. Nếu nói không thì rơi vào lỗi đoạn, vì chẳng đồng với sừng thỏ rớt ráo không.

Luận: Tức niệm nhân duyên v.v..., Kinh nói: “Các pháp nhân duyên sinh, các pháp nhân duyên diệt”, lại nói: “Nhân duyên hòa hợp luống đối có sinh, v.v...”.

Sớ: Chẳng không nghĩa, y tha rõ ràng nên nói chẳng phải không.

Biến kế hoàn toàn không nên chẳng nói có. Nếu nói có tức rơi vào lỗi thường, vì chẳng đồng với vọng tình có sở đắc.

Hai thứ này, tánh tướng có khác.

Chẳng hai, thể dụng thường cùng nhau.

Đây thuận v.v..., có hai nghĩa.

Thuận giáo: Tức chỗ dẫn này là lỗi của Phật thánh.

Thuận lý: nghĩa là chẳng động mé chân vì tánh bất biến. Kiến lập các pháp là tánh tùy duyên. Một pháp mà hai nghĩa, nên nói là “tức”. Số trước nói: “Tánh bất biến mà duyên khởi nhiễm tịnh thường khác nhau”.

Bởi do, v.v..., Kinh nói: “Pháp thân trôi lăn trong năm đường, gọi là chúng sinh”. Trong luận nói: “Do có nghĩa không nên tất cả pháp được thành”.

Nên hay v.v... là đứng về cảnh tu tâm để thành hạnh quán. Cảnh tức mất mà còn, tâm cũng ngay nơi chỉ thành quán. Nhưng đoạn trước tức môn Chân như, đoạn sau tức môn Sinh diệt. Hai môn chẳng hai, chỉ là nhất tâm, nên được chỉ quán song tu liên kết.

Trong tức quán:

Luận: Tuy niệm nhân duyên..., tức nghĩa chẳng không ở trước. “Mà cũng” v.v... trở xuống, là nghĩa chẳng có ở trước.

Sớ: Chẳng phân phối: do trước rõ sau, văn số có hai:

- Chính giải thích ý chỉ của văn nên tựa số nói: “Chẳng xả bỏ duyên mà tức chân phàm thánh đến một”, đây chính là tùy duyên mà bất biến.

Bởi do v.v..., Kinh nói: “Tất cả chúng sinh đều như”, văn trước nói: “Do tất cả pháp là tánh chân thật”.

Nên hay v.v... trở xuống, cũng đồng với văn trước. Đứng về cảnh tu tâm để thành hạnh chỉ, cảnh tức còn mà mất, tâm cũng tức quán thành chỉ. Phối hợp trở về hai môn trái với trước, rất dễ thấy.

- Chỉ bày chung về tâm dụng:

Khi nói v.v... trở xuống là chỉ bày chung tâm dụng.

Nói có trước sau v.v..., văn không phiên chép. Nói chẳng đốn giáo nên quán cùng chỉ trước sau mà nói. Nếu ở mé tâm của người tu hành, cần chỉ quán dung thông không trước không sau, nghĩa là ngay nơi chỉ mà tu quán, tịch mà thường chiếu. Ngay nơi quán mà tu chỉ, chiếu mà thường tịch. Thể tịch chiếu tức là nhất tâm, nhất tâm gọi là thật tánh, nên nói pháp tánh vắng lặng gọi là Chỉ, tịch mà thường chiếu gọi là Quán. Trong đây chẳng những chỉ quán không hai, mà còn tâm cảnh

như một. Nghĩa là do trí vô duyên duyên cảnh vô tướng. Do cảnh vô tướng cùng trí vô duyên, cảnh trí như một. Như nước và nước, chỉ một thật tướng, không còn có pháp nào khác, mới gọi là chỉ viên đốn, quán Tam-muội chân như.

Trong đối chiếu:

Sớ: Trị hai lỗi v.v..., phàm phu chẳng biết tự tánh các pháp vô sinh, thấy có nhân, pháp mà khởi tham ái, ưa trụ thế gian. Nay tu con đường chỉ khiến biết cội pháp, chẳng như thế nay liền không diệt, tự nhiên thấy ba cõi luống dối, như hoa đóm giữa hư không chẳng mê đắm. Nhị thừa được thấy pháp vô ngã đối với khổ chẳng sợ, đâu muốn mau giữ vắng lặng Niết-bàn ư!

Do chỉ v.v... trở xuống là giải thích lý do, rất dễ hiểu.

Chính là trị Nhị thừa: do Nhị thừa một bề chìm trong không, lấy không làm chứng. Kinh sợ sinh tử, chỉ cầu tự lợi không khởi lợi tha, chẳng thành Phật pháp. Nay tu con đường quán, biết tất cả pháp nhân duyên hòa hợp luống dối có sinh, nhân duyên chia lìa luống dối gọi là diệt. Biết bệnh biết thuốc tức khởi các huyện. “Do trừ huyện” là biến hóa các huyện mà khai mở các huyện. Đây là tự nhiên lìa cái thấy hạn hẹp, mà khởi đại bi cứu giúp cùng khắp. Nếu phàm phu được hay biết vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, mà tu các hạnh lành, dùng môn tu quán, chẳng hoại duyên pháp, trừ được chướng kia.

Tổng kết:

Sớ: chẳng phải chẳng ưa thế gian, ý nói: “Chẳng ưa thế gian mới tu pháp lành. Đây là chỉ thành ở quán.

Chẳng phải chẳng sợ v.v..., ý nói: “Chẳng sợ sinh tử mới khởi từ bi. Đây chính quán thành ở chỉ. Ở đây giống như lấy dây quấn vào với nhau dường như trái nhau, nhưng rốt ráo lại thuận nhau. Nên kinh Tạp A-hàm chép: “Phật ngự nước Cù-sư, A-nan hỏi Thượng tọa: Nếu Tỳ-kheo ở chỗ vắng dưới gốc cây suy nghĩ, nên dùng pháp gì để siêng năng tu tập? Thượng tọa đáp: Nên dùng hai pháp. Có chỗ cho là: Chỉ quán. A-nan thưa: Phần nhiều đã tu tập, làm thế nào được thành tựu? Thượng tọa đáp: Tu tập Chỉ, cuối cùng thành quán. Tu tập quán rồi, sau thành Chỉ, chỉ quán đồng tu được các giải thoát. A-nan lại hỏi: năm trăm vị Tỳ-kheo cũng làm theo lời. A-nan vui mừng hỏi Phật, Phật ấn khả bảo rằng đúng vậy.

Chỉ quán cần nhau v.v..., cũng như dây quấn lại với nhau mới dùng. Kinh Niết-bàn nói: “Bồ-tát Nhị thừa tu chẳng ngang bằng, chẳng thấy Phật tánh, vô minh tà kiến từ đây sinh, vô thượng Bồ-đề do đó mà

khó vào. Nếu tu tập đầy đủ, chẳng xa lìa nhau, thì sẽ chóng đến biển Tát Bà Nhã”. Kinh Niết-bàn chép: “Định huệ cùng học rõ thấy Phật tánh”. Kinh Pháp Hoa cũng nói: “Như chỗ đắc pháp kia, sức định tuệ trang nghiêm”. Dùng đây độ chúng sinh tự chứng đạo vô thượng. Do đó Bồ-tát, thực hành các môn tuy nhiều, nhưng nhiếp chung không qua định tuệ. Nên kinh Hoa Nghiêm chép: “Thí như có lực vương, định tuệ cũng như thế là chỗ nương cậy của Bồ-tát”. Tông Thiên Thai đối với chỉ quán ý sâu ở đây. Nên kia nói: “pháp chân Niết-bàn vào trong các đường”. Luận kia cần yếu không gì hơn chỉ quán. Chỉ là môn ban đầu tổng kết hành phục. Quán chính yếu là dứt hoặc chỉ là khéo giúp nuôi dưỡng tâm thức. Quán là diệu thuật soi chiếu thân giải v.v... Nếu người thành tựu hai pháp định tuệ, đây là tự lợi lợi tha. Pháp đều đầy đủ. Nay người học trôi chảy đâu thể nghiêng về một bên mà tu tập. Như Tông Thiên Thai nói: “Nếu khi hành giả tu chỉ quán như thế, sẽ biết rõ tất cả các pháp đều do tâm sinh. Nhân duyên luống dối chẳng thật nên là không. Do biết không tức chẳng thật có tất cả các pháp danh tự, tướng mạo. Bấy giờ, trên chẳng thấy quả Phật để cầu, dưới chẳng thấy chúng sinh để độ, đó gọi là từ giả nhập vào quán không, cũng gọi là quán Hai đế, cũng gọi Tuệ mãn, cũng gọi trí nhất thiết. Nếu trụ quán này, thì rơi vào Thanh văn, Bích Chi, Phật địa. Nên trong kinh Pháp Hoa, người Thanh Văn tự khen rằng: “Nếu chúng ta nghe cõi nước Phật thanh tịnh, giáo hóa chúng sinh, tâm không hỷ lạc. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều vắng lặng, không sinh, không diệt, không lớn, không nhỏ, vô lậu, vô vi, tư duy như thế chẳng sinh hỷ lạc. Nên biết nếu thấy vô vi nhập chánh vị, thì không thể nào phát tâm Tam Bồ-đề. Đây là định lực nhiều, nên không thấy Phật tánh. Nếu Bồ-tát vì độ tất cả chúng sinh, thành tựu tất cả Phật pháp, không nên chấp đắm vô vi. Bấy giờ nên tu từ không nhập quán giả, tức ngay tâm tánh mà quán đến. Tuy lúc không đối duyên, cũng có khả năng sinh ra tất cả pháp. Giống như huyễn hóa tuy không thật chứng, cũng có các tướng thấy, nghe, hiểu, biết khác nhau chẳng đồng. Khi hành giả quán như thế, tuy biết tất cả pháp vắng lặng, đối với Không tu các thứ hạnh. Như trong hư không trồng cây, cũng hay phân biệt các căn tánh ham muốn của chúng sinh, tánh ham muốn vô lượng thì nói pháp vô lượng. Nếu thành tựu vô lượng biện tài, tức là làm lợi ích chúng sinh trong năm đường, đó gọi là từ không nhập quán giả, cũng gọi là Pháp nhãn. Cũng gọi là trí đạo chủng, trụ trong quán này sức trí tuệ nhiều. Tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Bồ-tát tuy là thành tựu hai quán như thế, nhưng giống như phương tiện chẳng phải chánh quán.

Nên kinh Anh Lạc chép: “hai quán trước là phương tiện, nhân quán hai không được nhập Trung đạo là quán nghĩa đế đệ nhất. Cả hai chiếu hai đế, tâm tâm vắng lặng, tự nhiên lưu nhập vào biển Tát-bà-nhã. Bồ-tát muốn trong một niệm, đầy đủ tất cả pháp, nên tu Trung đạo chánh quán. Nếu quán đế tâm tánh chẳng phải không chẳng phải giả, mà chẳng hoại pháp không giả. Nếu chiếu rõ như thế, thì tâm tánh thông đạt hai đế Trung đạo, tròn sáng chiếu soi. Nếu tự tâm thấy hai đế Trung đạo, tức thấy tất cả các pháp hai đế Trung đạo, cũng không chấp hai đế Trung đạo. Do tánh quyết định không thật có, đó gọi là Trung đạo chánh quán. Như Trung Luận nói: “Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi nghĩa Trung đạo”. Kệ này chẳng những là phân biệt chánh quán, mà còn gồm nói môn quán hai thứ phương tiện ở trước. Nên biết trung đạo chánh quán tức là Phật nhãn, tức là trí nhất thiết chủng. Nếu trụ quán này tức là năng lực định tuệ bình đẳng, thấy Phật tánh rõ ràng, tức là an trụ Đại thừa. Bước đi ngang bằng chân chánh, kia mau như gió. Vào biển Tát-bà-nhã tức hành hạnh Như Lai. Do Như Lai trang nghiêm mà tự trang nghiêm, được sáu căn thanh tịnh, vào cảnh giới Phật, đối tất cả pháp không có đắm nhiễm, tức tất cả chư Phật đều hiện ở trước, thành tựu

Tam-muội niệm Phật, an trụ định Thủ-lăng-nghiêm, khắp hiện sắc thân, đến được cõi Phật mười phương, giáo hóa chúng sinh, trang nghiêm thanh tịnh tất cả cõi Phật, cúng dường chư Phật mười phương, thọ trì tất cả pháp tạng chư Phật, đầy đủ tất cả các ba-la-mật, tức nhập địa vị đốn ngộ đại Bồ-tát, tức cùng làm bạn với phổ Hiền, Văn-thù, tức thường trụ trong thân pháp tánh, được chư Phật mười phương khen ngợi, thọ ký được tám tướng thành đạo, ở trong cõi nước mười phương, rốt ráo tất cả Phật sự, đầy đủ hai thân chân và ứng, đó gọi là Bồ-tát sơ phát tâm trụ. Nhưng, chỗ nói ở trên, nương vào kinh nói hành tướng ba quán, dường như thành có khác nhau. Nếu ở người tu hành, tức cần trong ba trí, nhất tâm mà được, chẳng ngang dọc lập sai biệt, là tu viên mãn. Quán không của Tông Thiên Thai tức môn chỉ này. Quán giả tức môn quán, quán trung tức đều liên kết cả hai, đại khái như thế.

Trong phòng sự thoái lui:

Nói chúng sinh, là phẩm thượng của Thập tín sơ tâm.

Yếu hèn, v.v..., nghĩa là đối với sự sinh tử khởi phát giác ngộ. Hoặc nghiệp tức từ vô thủy chứa nhóm tụ tập. Hành thiện thì mới tu học, cảnh mạnh tâm yếu, chướng nặng, sức mỏng. Đối với sự quán tâm, đâu không yếu kém.

Sa-bà, Hán dịch là Kham Nhẫn. Đây đủ năm trước thật không đáng ở. Kinh nói: “Đời ác trước này, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh đầy rẫy”, phần nhiều là những loài bất thiện hội tụ. Chỉ có Phật Như Lai kham nhẫn trụ, nên cũng có thể tu hành nhẫn nhục thù thắng hơn các phương khác.

Chẳng thể thường gặp v.v..., vì trong cõi như uế, tuy có Phật ra đời, nhưng chẳng trụ lâu, đã vào diệt độ. Nhiều kiếp qua sông không có Phật. Hành giả hoặc sinh trước Phật, hoặc sinh sau Phật đều không được gặp. Do không gặp nên không thể cúng dường, gần gũi, thọ nhận thánh chỉ. “Lo rằng, v.v...” Giống như con mồ côi chưa được làm người trưởng thành, đã mất chỗ nương cậy, đâu không lo âu lao nhọc, đâu không có sự mát mát ư? Người tu hành cũng giống như thế không có Phật làm thắng duyên, nội tâm lại yếu kém, hướng chi cảnh như uế, năm trước lẫn lộn, tâm trên cầu thật là khó tiến, lui sụt thánh đạo.

Trong Thánh ý:

Nói phương tiện thù thắng, tức mười sáu môn quán niệm Phật Tam-muội, và nguyện lực của Phật...

Tùy nguyện, như kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh chép: “mười phương đều có Tịnh Độ, nếu người muốn sinh sẽ được tùy nguyện vãng sinh”.

Trong dẫn kinh:

Nói Tu-đa-la, v.v..., tức kinh A-di-đà vô lượng Thọ Đoan Tướng và Quán Kinh v.v... Như kinh Tiểu Di-đà chép: “Từ phương Tây trải qua mười muôn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực lạc, là vui tốt cùng nên gọi là Cực lạc, có Đức Phật hiệu là A-di-đà”. A-di-đà: Hán dịch là vô lượng. Ánh sáng, tuổi thọ, đệ tử, cõi nước đều trang nghiêm vô lượng. Cõi nước ấy công đức trang nghiêm thân Phật mầu nhiệm đặc biệt, khó có thể nghĩ bàn. Rộng như trong văn kinh, không thể nói hết. Nhưng hệ vãng sinh” gồm có chín phẩm. Do hành mà có hơn kém, vãng sinh có lên xuống, hoa khai có chậm mau, thành đạo có trước sau.

Phẩm Thượng thượng, phát ba tâm, đó là tâm chí thành, tâm sâu xa, tâm hồi hướng, đầy đủ giới hạnh, đọc tụng Đại thừa, một ngày cho đến bảy ngày thì được vãng sinh. Đích thân Phật và Bồ-tát đến đón rước, Bồ-tát Quán Âm cầm đài kim cương, v.v... Đến trước hành giả, người kia nương đây theo sau Phật. Trong thời gian bung ngón tay liền sinh về cõi nước kia, được thấy Phật nghe pháp khai ngộ, trong chốc lát đã đến khắp mười phương, ở trước chư Phật lần lượt được thọ ký, trở về bốn quốc, được vô lượng trăm ngàn môn Đà-la-ni.

Cho đến phẩm hạ hạ, là năm tội nghịch mười điều ác, đầy đủ các

thứ bất thiện, vì nghiệp ác nên bị rơi vào địa ngục, trải qua nhiều kiếp, khi sắp qua đời, gặp thiện tri thức dạy xưng danh hiệu Phật, trong niệm niệm trừ tội năng sinh tử trong tám mươi ức kiếp, đầy đủ mười niệm ngòai hoa sen vãng sinh. Phật và Bồ-tát cùng đến đón rước, sinh trong hoa sen ở ao kia, đủ mười hai đại kiếp hoa sen mới nở, Quán Âm, Thế Chí nói pháp cho nghe, nghe pháp vui mừng, trừ diệt tội chướng, phát tâm Bồ-đề. Muốn biết đủ nên xem trong kinh ấy.

Hỏi: Theo kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh thì ở mười phương đều có tịnh độ, vì sao chỉ nói riêng về phương Tây?

Đáp: Vì nhân duyên mạnh hơn các phương khác.

Nhân duyên, là mười niệm làm nhân.

Duyên mạnh: nguyện lực của Đức Phật kia, vì trong nhân Đức Phật kia có bốn mươi tám thế nguyện rộng lớn. Trong đó nói: “Nếu có chúng sinh muốn sinh về nước ta, mười niệm thành tựu, không được vãng sinh thì ta nguyện không thành Phật” đều có lý do nên chỉ nói riêng về Tây phương, đầy đủ như kinh Đoạn Tướng.

Thường thấy Phật: Nói sinh về cõi kia.

Nếu quán Pháp thân, nay đứng về nhân tu.

Sớ: Ba vị, trong khoa phân biệt người vãng sinh, chính là nói nơi sẽ sinh về. Nếu trong quán kinh nói đủ chín phẩm, Tông Thiên Thai chia: Thượng có ba phẩm là ban đầu từ Tập chủng sau đến Bồ-tát giải hạnh. Trung có ba phẩm là Thập Tín trở xuống, do trì giới, hiếu dưỡng, v.v... mà cầu vãng sinh. Hạ có ba phẩm là thời nay phàm phu gây ra các tội ác nặng, khi sắp qua đời gặp bạn lành khuyến khích, mới nguyện vãng sinh. Phẩm Thượng thượng thấy Phật nghe pháp liền chứng Vô sinh, là người có hạt giống đạo. Địa vị thượng, trung phẩm là ngay chủng tánh. Phẩm Thượng hạ là ngay nơi hạt giống huân tập: 1/ Được đạo có mau chậm. 2/ Chỗ nương có hơn kém. Được đạo có mau chậm, là phẩm thượng thượng như trước vãng sinh rồi liền chứng Vô sinh. “Thượng trung” sinh rồi bảy ngày sau được không lui sụt, trải qua một Tiểu kiếp được Vô sinh hẳn.

Thượng hạ, qua hai mươi mốt ngày, đi khắp mười phương, trải qua ba tiểu kiếp được trăm pháp minh môn, trụ Hoan hỷ địa.

Nương có hơn kém, ban đầu ở đài Kim Cương, kế đến đài vàng, tím, sau hoa sen vàng. Nay số đứng về ba địa vị chỉ nói sáu phẩm trước trong chín phẩm. Địa vị đầu tức hạng ba phẩm trung kia. Địa vị thứ hai là phẩm thượng hạ kia. Địa vị thứ ba là thượng trung, phẩm thượng thượng. Do đó trong khoa phân biệt nghĩa không lui sụt, nên phân tích

ở đây.

Duyên không lui sụt, do kia tuổi thọ lâu dài, lại không có người nữ, không có ba đường, không lạnh nóng, không đói khát, không oán thân, không già bệnh, chỗ mong muốn tùy theo tâm, thường làm bạn với Thanh Văn, Đại Bồ-tát,..., thường thấy Phật nghe pháp, nước, chim, cây, rừng đều giảng nói khổ, không, vô thường, vô ngã, niệm Phật niệm pháp. Do đó nghiệp lành tự nhiên thêm lớn, trần lao xoay vần tiêu trừ, thẳng đến Bồ-đề, lại không lui sụt. Kinh Di-đà chép: “Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sinh cõi Phật Di-đà, đều được không lui sụt đối với đạo Vô thượng, Chánh đẳng, Chánh giác”, cách xa như trời đất so với người tu hành cõi nhơ uest này. Giống như hai người cùng đến chỗ phía trước. Một người thì đi bộ, một người thì đi xe. Như thế, sự khó dễ của hai người ta có thể thấy rõ. Hai cảnh kia đây tu hành khác nhau, cũng giống như thế. Nhưng nay có người không xét lợi hại, không xét nhân duyên hơn kém ở hai cõi kia, miệng nói không mà làm thì có, khác nào đếm cửa báu cho người khác, mà mình vẫn yên phận chịu nghèo. Thường bàn luận về lý cùng tột, thì cho là không có cảnh phương Tây. Chìm đắm mê mờ lý “không” kia, hủy báng giáo tín, thật là kẻ hèn đối với đời sau, trái với phương tiện của bậc tiên giác. Cây mình là phải, có gì là phải, còn bảo ta quên tình (chấp) thì quên cái tình (chấp) gì? Khen thì mừng, chê thì giận, mê hoặc còn thêm lắm, hoàn toàn không biết còn chân ngã để hội nhập bản giác. Sao không nghĩ xa mà tin cõi An dưỡng là nơi cởi giày để đặt chân lên nơi đó? Ta rất lấy làm thương xót mà không thể thôi không nói.

Phật ký v.v..., Kinh Lăng-già chép: “Tỳ-kheo Long Thọ trụ Sơ Hoan hỷ địa, phá chấp có không, vắng sinh cõi an lạc.

Hai địa vị sau: tức Thập Tín viên mãn và người Tam hiền. Do quán Pháp thân chân như, siêng năng tu tập, nguyện sinh về cõi kia tức là ba phẩm trung, thượng trong chín phẩm. Ngược lại, biết địa vị đầu tín hạnh chưa viên mãn, tức có thể đối với thường thấy Phật ở trước, cuối cùng vẫn không có lui sụt. Nhưng luận này nói: “Nếu quán Pháp thân chân như, rốt ráo được sinh”, đây là quán rồi mới sinh trụ chánh định. Nên biết không thể làm cho sinh, sau mới quán mà hiểu. Người có trí nên xét cho kỹ.

- Phần khuyến tu lợi ích:

Khuyến tu lợi ích là phần lưu thông. Đã bày pháp nghĩa, rộng chỉ tu hành. Căn cơ viên đốn ắt nương theo đây mà ngộ nhập. Nay nêu

chung ở trước nói, khuyến khích khiến thọ trì, văn, tư, tu tập được lợi ích. Trong văn có nói tướng lợi ích của ba tuệ, vẫn nêu lỗi không tin hủy báng. Nay chỉ nói khuyến tu lợi ích. Nghĩa là nêu sâu bao gồm cạn, chẳng nói văn, nhờ khuyến khích mà tu, nên tự không nghi ngờ phỉ báng, do đó chỉ nói khuyến tu lợi ích.

- Kết trước sinh sau:

Luận: Như thế v.v..., chỉ chỗ nói pháp ở ba phần trước. Nghĩa là: Nhất tâm, Nhị môn. Hai giác, hai bất giác. Bốn vị, hai tướng. Ba tế, sáu thô. Năm ý, sáu nhiễm. Hai ngại, bốn huân tập. Ba đại, hai thân. Hai kiến, Ba tâm. Bốn phương tiện, sáu độ. Ba tâm tướng, Bốn tín, Năm hạnh, v.v...
Đều có nói rõ. Nhưng, ở đây các pháp đều là trong pháp nghĩa Đại thừa khác nhau, nên nói: “Đại thừa là như thế”.

Bí tạng chư Phật, tức ba đức sâu xa của đại Niết-bàn, là chỗ chứng của Phật, chẳng phải nhân địa vị hay cùng tột nên gọi là bí, bao gồm nhiều chỗ mà không chứa nhóm nên gọi là tạng. Bí tạng này có đủ ba pháp, nghĩa là Ma-ha Bát-nhã, giải thoát và Pháp thân, nên gọi là đức. Tuy có ba tên mà không có ba thể. Như mặt của vị trời có ba mắt, chẳng ngang dọc khác nhau, chẳng phải một hai ba mà một hai ba, nên gọi là Bí tạng. Nhưng, ở trên nói pháp nghĩa khác nhau, do ba pháp này thường thâm nhiếp đều cùng tận, chính là nghĩa này.

Như trên nói nhất tâm là nêu chung thể bí tạng, đầy đủ nghĩa Ba đại, hai môn chẳng lìa hai đế chân và tục. Trong chân mất tướng tức không là Bát-nhã, hiển bày thật là Pháp thân, sinh diệt là tục đế, chính là giải thoát.

Trong hai giác thì bản giác là Pháp thân, thỉ giác là Bát-nhã, bản thỉ không hai là giải thoát.

Trong bốn vị, theo mỗi vị đều có trí năng chứng là Bát-nhã, lý sở chứng là Pháp thân, lìa sở chứng là giải thoát.

Trong hai tướng, tướng trí tịnh là Pháp thân Bát-nhã, nghiệp tướng không thể nghĩ bàn là giải thoát. Trong bốn cảnh, cảnh như thật không là Pháp thân, cảnh nhân huân tập là Bát-nhã, hai cảnh sau là giải thoát. Lại, ban đầu là Pháp thân, hai là Bát-nhã giải thoát. Trong hai thứ sau, ba là, Pháp thân Bát-nhã, bốn là giải thoát.

Trong chín tướng, bảy tướng trước thuộc phiền não, là Bát-nhã, tạo nghiệp là giải thoát, thọ báo là Pháp thân. Năm ý, sáu nhiễm, hai ngại nhiếp vào chín tướng, có thể do ý mà được.

Trong bốn huân tập, nhiễm huân mới lìa vô minh, cảnh giới vọng tâm khởi thành hoặc nghiệp, trôi lăn sinh tử. Như chỗ phối hợp chín

tướng. Trong tịnh huân, chân như là Pháp thân, huân khởi thì giác là Bát-nhã, lia sở chướng tức giải thoát.

Trong ba đại, thể là Pháp thân, tướng là Bát-nhã, dụng là giải thoát.

Trong hai thân, chân thân thuộc về Pháp thân Bát-nhã, ứng thân là giải thoát. Đối trị tà chấp là Bát-nhã, thấy được không tức giải thoát, chánh lý sở hiển tức Pháp thân.

Trong ba tâm, trực tâm tức là Pháp thân, thâm tâm tức Bát-nhã, đại bi tâm là giải thoát.

Trong sáu độ, mỗi độ đều có ba thứ, như nói: Do biết là Bát-nhã, pháp tánh là Pháp thân, vốn không san tham là giải thoát.

Trong bốn tâm tướng, chân tâm là tức Pháp thân Bát-nhã, phương tiện và nghiệp thức tâm là giải thoát.

Trong bốn tín, tin chân như là Pháp thân, tin Phật là Bát-nhã, tin pháp và tăng là giải thoát.

Trong năm hạnh thì bốn hạnh trước là tức giải thoát, chỉ là Pháp thân, quán là Bát-nhã. Hoặc mỗi hạnh đều có đủ ba thứ. Do pháp này, thâm nhiếp tất cả đều hết. ba pháp này, thâm nhiếp hết tất cả. Ba pháp này chẳng lia nhất tâm ở trước. Đây là pháp của tất cả Phật mười phương ba đời, đều thuộc về luận này, gọi là Bí tạng, ta đã nói chung.

- Nêu lợi ích:

Nói cảnh giới sâu xa của Như Lai, là nhất tâm, hai môn, ba đại. Nhất tâm là pháp sâu xa. Ba đại là nghĩa sâu xa. Hai môn là lý sự sâu xa, đều là cảnh sở chứng của Như Lai.

Chánh tín, do đây là Thật không tin các pháp. Đã sinh chánh tín, nên lia phỉ báng, lia phỉ báng nên nhập đạo đại thừa. Đạo nghĩa là nhân, chung cho quả Phật.

Trì luận này: giáo là môn Đại thừa, muốn nhập Đại thừa thì phải trì giáo hoặc đọc hoặc tụng, gọi chung là Trì. Chỗ thấy nghe biết gọi là văn tuệ.

Sớ: Tư tuệ, là tư duy nghĩa kia.

Tu tuệ, như thuyết tu hành.

Luận Rốt ráo, ban đầu do nghe, tư duy, sau được quả Phật. Lại một phen được thì được hẳn, nên nói rốt ráo. Quả Phật viên thông gọi là Đạo.

- Trong nghe được lợi ích:

Nói nếu người v.v..., có hai ý:

Chỉ nên chẳng khiếp sợ như thế. Vào lúc khác sẽ được Như Lai

thọ ký. Như Phật Bảo Tạng nói: Đức Thích-ca Như Lai, thời gian sau sẽ được Đức Như Lai Nhiên Đăng thọ ký.

Hành cảnh như nghĩa này được thọ ký, phần cuối chương Thanh Tịnh Tuệ trong như kinh Viên Giác chép: “Nếu người nghe pháp môn này chẳng sinh kinh sợ, gọi là tịnh giác tùy thuận. Các ông nên biết các chúng sinh như thế đã từng cúng dường trăm ngàn muôn ức Hằng hà sa chư Phật, trồng các cội đức, Phật nói người này thành tựu nhất thiết chủng trí”. Nghĩa đồng ở đây. Lại như kinh Pháp Hoa chép: “Sau khi Như Lai diệt độ nếu có người nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù cho một câu, một bài kệ, một niệm tùy hỷ, ta cũng thọ ký cho đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

- Trong tư duy được lợi ích:

Nói giả sử là thật không có người này, chỉ giả thiết lập.

Tam thiên đại thiên thế giới, Câu-xá nói: “Bốn đại châu, mặt trời mặt trăng, Tô-mê-lô, Dục thiên, Phạm thế, gấp một ngàn lần gọi là một tiểu thiên thế giới. Tiểu thiên này gấp ngàn lần gọi là một Trung thiên. Thiên này gấp một ngàn lần gọi là Đại thiên. Đều đồng một phen thành hoại, phối hợp cũng sẽ biết.

Mười điều lành, giáo hoá người khiến thực hành mười điều lành, chiêu cảm quả báo sinh lên cõi trời, tuy số rất nhiều, chẳng lìa, chẳng thành vô lậu. Nếu tư duy pháp này là nhân thành Phật, rất ráo khiến được Phật đạo vô thượng. Thời gian tuy không nhiều mà công đức thì không thể ví dụ được, đâu thể đem điều lành thế gian mà so sánh được.

- Trong nhiều đức:

Nói thọ trì, lãnh thọ pháp nghĩa, giữ gìn ở tâm, trong khoảng bữa ăn tán tâm suy nghĩ, công đức không thể ví dụ, hưởng chi một ngày một đêm định tâm quán sát, bấy giờ hạnh thù thắng lâu dài, được công đức thật như ở đây nói, không thể do suy nghĩ mà nói được.

- Trong so sánh:

Nói dù khiến v.v..., trong đây so sánh văn cao siêu tuy không nhiều, nghĩa thì rất rộng. Do người có khả năng khen ngợi là bậc Vô thượng đại giác, đầy đủ tất cả trí, có biện tài vô ngại. Hễ khen ngợi điều gì đều rất ráo, nay không khen ngợi riêng một vị Phật mà nêu tất cả chư Phật mười phương, người cao quý mà lại nhiều. Lại chẳng phải ít thời gian, vẫn mỗi việc ở trong vô lượng vô số kiếp khen ngợi lâu dài, chẳng cho rằng phần nhiều Phật ở trong lâu dài, công đức khen ngợi kia khiến được bờ mé, mà lại nói cũng không thể cùng tận. Nên biết văn nghĩa dồi dào ở nơi giáo. So sánh văn cao siêu các chỗ này thật là tận cùng.

- Trong lý do:

Nói vì sao?, quả nhân vô lượng, kiếp số vô biên, đối với thời gian như vậy, trải qua chỗ Phật khen ngợi chẳng bằng kịp, là có nguyên do gì?

Nghĩa là pháp tánh v.v... trở xuống là giải thích tánh vô biên. Công đức như tánh cũng lại vô biên.

Nhờ do tu tập luận kia, tức là thâm nhập chỗ được của pháp tánh.

- Trong hủy báng:

Số: Tội nặng: thọ trì nếu phước nhiều mà hủy báng, thì phải vờ lấy tội nặng. Theo kinh Đại Bát-nhã nói: “Chúng sinh phỉ báng chánh pháp bị đọa vào địa ngục A-tỳ, trong vô lượng kiếp, gặp cảnh này hoại, thì nương các cõi địa ngục khác, như thế lần lượt trải khắp mười phương, trở lại chỗ cũ, do tội chưa hết. Nay nói vô lượng khổ lớn, chính là loại này. Cũng như kinh Pháp Hoa chép: “Phỉ báng kinh, người kia khi chết đi bị đọa vào địa ngục A-tỳ suốt một kiếp, kiếp hết lại sinh. Như thế lần lượt đến vô số kiếp, ra khỏi địa ngục, phải đọa vào súc sinh, v.v...”

Dứt hủy báng, cũng là khuyến tin phải tội như thế, cho nên phải dứt. Kinh Thắng-man nói: “Nếu tự có trí thì tự hiểu. Nếu chẳng hiểu thì kính mong Như Lai, chẳng phải cảnh giới của ta. Nếu được như thế, thì đâu có tai ương ở đời sau ư!”

Nói do sâu v.v... trở xuống, hoặc hỏi: Do nghĩa gì người không tin hủy báng bị tội như thế? Nên ở đây giải thích. Cũng như kinh Pháp Hoa nói: “Dứt hạt giống Phật chịu tội báo này.

Do một v.v.... trở xuống, lại hỏi rằng: Chỉ phỉ báng luận này, vì sao lại nói dứt hạt giống Tam bảo, thành hại mình người? Nên ở đây giải thích.

Số: Quả người được Niết-bàn v.v..., đây là nói về người, hiển bày bày lẫn nhau. Theo lý thì một phen được đều được, chẳng chứng riêng. Như Bát-nhã Tâm Kinh nói: “Bồ-tát Tát-đỏa nương Bát-nhã được Niết-bàn, chư Phật ba đời nương Bát-nhã được Bồ-đề”. Ở đây cũng như thế.

Pháp bảo v.v..., vì trong luận nói Như Lai là Phật bảo, Bồ-tát là Tăng bảo, nếu không tin pháp này thì không có Bồ-tát tu hành, tức tăng bảo dứt mất. Nếu không tu hành, thì không chứng Bồ-đề Niết-bàn.

Pháp bảo này bị dứt mất, nếu không chứng quả thì không có Như Lai. Phật bảo này bị dứt mất, Tam bảo bị dứt mất đều do không tin mà phỉ báng, cho nên mắc tội, trải qua vô lượng kiếp chịu khổ lớn, cho nên

biết tội lớn không gì lớn hơn báng pháp.

Trong phần kết khuyển, nói về quá khứ tức dòng Thích-ca, hiện tại tức thuộc loại Mã Minh, vị lai tức là hành giả hiện nay. Trong kinh Lăng-nghiêm, ngài Văn-thù khen ngợi pháp viên thông của Quán Âm rằng: Các Đức Như Lai ở quá khứ đã thành tựu pháp môn này, các Bồ-tát hiện tại đều nhập Viên thông, người tu học ở vị lai sẽ nương vào pháp này, ta cũng từ trong đó mà chứng, chẳng phải chỉ có Quán Thế Âm, chẳng có khác đường. Kinh nói: “Đây là một cửa vào niết-bàn của các đức Phật nhiều như cát bụi”. Lại nói: “Là một cửa vượt lên diệu trang nghiêm của các Đức Như Lai trong mười phương.

Trong phần tổng kết: nói chư Phật, chư Phật là người năng chứng, năng thuyết, sâu xa, v.v... trở xuống là nói về pháp sở chứng sở thuyết. Trong đây, sâu rộng, v.v... là chỉ chung cho ba đại. Sâu là nói theo chiều dọc, Đại là nói theo chiều ngang, cả hai đều dứt bật đối đãi, cho nên nói là rất sâu rộng. Nghĩa là sâu trong sâu, chứ chẳng phải cái sâu đối với cạn, cho nên nói sâu xa; Là đại trong đại, chứ chẳng phải cái Đại đối với nhỏ, nên nói là rộng lớn. Có chỗ nói ba chữ sâu rộng lớn là riêng đối với ba nghĩa Thể, Tướng, Dụng. Sâu là Thể đại, là thật tướng chân pháp, nhân vị chẳng thể cùng tận được, chỉ có Phật mới có cùng tận rốt ráo, cho nên Đại luận nói: Dùng trí đo biển lớn, chỉ có Phật mới cùng tận nguồn đáy.

Lại kinh Pháp Hoa chép: Sâu xa vững chắc không ai đến được, đây là y cứ quá khứ vô thủ, vị lai vô chung, bất sinh bất diệt, nên nói là sâu. Rộng là dụng đại, nghĩa là Diệu dụng còn hơn số cát sông, âm thầm cảm ứng không có dừng nghỉ, không có cùng tận. Dụng vô tận này mỗi dụng đồng với giác tánh, không có bờ mé, không có phần hạn, cho nên kinh Lăng-Nghiêm chép: Ta dùng bất sinh bất diệt hợp với Như Lai tạng là tâm vốn mẫu nhiệm, trùm khắp pháp giới, cho nên trong đó một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, đạo tràng bất động, có công năng dung chứa khắp các cõi nước trong mười phương, ngồi trong hạt bụi mà xoay bánh xe Đại pháp, v.v... cho nên nói là Rộng. Đại là tướng đại, tướng là tướng nghĩa, tức là nghĩa trí tuệ rộng lớn sáng suốt, nghĩa chiếu khắp pháp giới ở trước nói, v.v... vượt hơn hàng sa tánh đức vô lậu và thể chân như, không lìa, không dứt, không khác, không thể suy nghĩ bàn luận, chẳng phải sâu, chẳng phải rộng mà là sâu mà là rộng, cho nên được gọi là Đại. Cái gọi là “rất” là chung cho ba chữ, nghĩa là rất sâu, rất rộng, rất lớn, đều dứt bật đối đãi. Ba pháp này có công năng gồm nhiếp tất cả Phật pháp, cũng nhiếp

tất cả chúng sinh, gồm nhiếp tuy nhiều nhưng đều không lìa Nhất tâm. Nhất tâm là chỗ chứng cùng cực của chư Phật. Cho nên ở trước luận chép: Muốn giải thích nghĩa căn bản của Như Lai, giúp cho các chúng sinh hiểu đúng không sai. Nay luận chủ dùng ít lời, thuận theo pháp này mà nói lược, lời nói tuy lược mà lý đều đầy đủ, cho nên nói là thuyết tổng trì. Vì vậy văn trước nói: như thế luận này là muốn gồm nhiếp vô biên nghĩa của pháp rộng, lớn, sâu của Như Lai, cho nên phải nói luận này. Nói đúng như pháp tánh, pháp tánh trùm khắp, tròn đầy không bờ mé, công đức soạn luận đúng như tánh rộng lớn, cũng không có bờ mé. Pháp tánh rất sâu, cũng không có cùng tận, công đức soạn luận đúng như tánh rất sâu, cũng không có cùng tận. Pháp tánh vô lậu, lìa các ô nhiễm, công đức soạn luận đúng như tánh vô lậu, chẳng cấu chẳng nhiễm. Pháp tánh vô vi, xa lìa tạo tác, công đức soạn luận đúng như tánh vô tác, chẳng phải tướng hữu vi, không thể phá hoại, tận đốn vị lai. Công đức như thế vô lượng vô tận, vô lậu vô vi, muốn lợi ích gì, do đây luận chép: Lợi ích khắp tất cả thế giới chúng sinh, nhưnh lợi ích chúng sinh không ngoài hai thứ: một là giúp cho lìa khổ, nghĩa là lìa hai thứ sinh tử phần đoạn và biến dịch; hai là giúp cho được vui, nghĩa là được hai thứ vui vô thượng là bồ-đề và niết-bàn. Vì chúng sinh có ba thừa, năm tánh, bốn sinh, chín loài khác nhau bất đồng, cho nên nói tất cả. Nay hồi hướng công đức đúng như tánh, khắp thấm nhuần lợi ích. Khiến các chúng sinh kia tùy theo căn thánh của mình đều được lợi ích, cuối cùng được đến giác đạo rốt ráo vô thượng.

